

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VÀ ĐẦU TƯ ĐỨC PHÚC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN VÀ ĐẦU TƯ ĐỨC PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUC PHUC INVESTMENT AND DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DUC PHUC INVESTMENT AND DEVELOPMENT CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109270205

3. Ngày thành lập: 16/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Thái Phù, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
5.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
6.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
9.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
10.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
11.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
12.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
13.	Thu gom rác thải độc hại	3812
14.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
15.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
16.	Tái chế phế liệu	3830
17.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
18.	Xây dựng nhà để ở	4101
19.	Xây dựng nhà không để ở	4102
20.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
21.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

22.	Xây dựng công trình điện	4221
23.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
24.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
25.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
26.	Xây dựng công trình thủy	4291
27.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
28.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
29.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
30.	Phá dỡ	4311
31.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
32.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
34.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
35.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
36.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
37.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
38.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
39.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
40.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
41.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
42.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
43.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
46.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các loại nhà nước cấm)	4620
47.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
48.	Bán buôn thực phẩm	4632
49.	Bán buôn đồ uống	4633
50.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã	4634
51.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
52.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

53.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
54.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
57.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
58.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
59.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
60.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
61.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
63.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
64.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
68.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
69.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
70.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
71.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
72.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
73.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
74.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
75.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
76.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
77.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
78.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

79.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, tiền kim khí)	4773
80.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
81.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
82.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
83.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
84.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
86.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
87.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
88.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229(Chính)
92.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
93.	Cơ sở lưu trú khác	5590
94.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
95.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
96.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
97.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
98.	Lập trình máy vi tính	6201
99.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
100.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
101.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
102.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
103.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

104.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Thiết kế thiết bị điện, điện tử công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan	7110
105.	Quảng cáo	7310
106.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
107.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
108.	Cho thuê xe có động cơ	7710
109.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
110.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
111.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
112.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
113.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
114.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
115.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
116.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
117.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
118.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
119.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐINH VĂN SỸ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/05/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082008988

Ngày cấp: 22/06/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thái Phù, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Phù, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội